

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DSST
Ngày 24-3-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Trọng Bình

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: anh Phí Ngọc M, sinh năm 1989 “có mặt”;

Địa chỉ: khu phố 1, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước;

- Bị đơn: Ông Phạm Xuân L (tên gọi khác: Phạm Xuân Tùng), sinh năm 1964 “vắng mặt” và bà Nguyễn Thị B (tên gọi khác: Nguyễn Thị Thanh), sinh năm 1972 “vắng mặt”;

- Người làm chứng: Bà Mai Thị Huyền Hệ, sinh năm 1959 “có mặt”;

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2019 và quá trình tranh tụng tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên Bà Ngô Thị H đã cho vợ chồng bà Nguyễn Thị B và Ông Phạm Xuân L vay tiền nhiều lần. Đến ngày 28/6/2018, vợ chồng ông L, bà B và bà H đã chốt lại số tiền nợ là 835.000.000 đồng. Sau khi, bà H và vợ chồng ông L, bà B thống nhất chốt lại số tiền nợ thì giữa bà H và vợ chồng ông L, bà B lập “Giấy biên nhận” ngày 28/6/2018 với nội dung khi vợ chồng ông L, bà B bán được tài sản nhà, đất cho ông Bùi Anh D và bà Mai Thị Huyền H thì sẽ trả đủ số tiền nợ 835.000.000 đồng cho bà H và không tính tiền lãi suất.

Tuy nhiên, khoảng 02 tháng sau ông D, bà H thông báo không mua tài sản là nhà, đất của vợ chồng ông L, bà B nữa nên bà H có đến gặp vợ chồng ông L, bà B nhiều lần để yêu cầu trả nợ số tiền 835.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông L, bà B không trả nợ.

Nay, bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập buộc vợ chồng ông L, bà B trả hết toàn bộ số tiền nợ gốc 835.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/10/2019 đến khi trả hết tiền nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/10/2019 đến khi trả hết tiền nợ.

Bị đơn Ông Phạm Xuân L và bà Nguyễn Thị B: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Ngô Thị H.

Các vấn đề khác giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn Ngô Thị Hương khởi kiện bị đơn Ông Phạm Xuân L và bà Nguyễn Thị B thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ vay theo “Giấy biên nhận” lập ngày 28/6/2018. Đây là tranh chấp phát sinh trong việc giao kết hợp đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại xã Đắc Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị B và Ông Phạm Xuân L đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà B, ông L vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phí Ngọc M rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi suất 10%/năm kể từ ngày 11/10/2019 đến khi trả hết tiền nợ. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà H về yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc vay kể từ ngày 11/10/2019 đến khi trả hết tiền nợ; nếu sau này bà H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Ngô Thị H không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3] Xét nội dung vụ án: Căn cứ vào “Giấy biên nhận” ngày 28/6/2018; Căn cứ vào lời khai xác nhận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng khách quan tại phiên tòa đã có cơ sở để khẳng định: do có mối quan hệ quen biết nên bà H đã cho vợ chồng bà B, ông L vay số tiền 835.000.000 đồng, khi vay có lập giấy biên nhận tiền do bà B ký tên bên người vay. Xét, việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của giao dịch hợp đồng dân sự quy định tại các điều 385, 388, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng này hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Xét thấy, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản là tiền, bà B, ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn. Do vợ chồng ông L, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự

năm 2015. Vì vậy, đối với yêu cầu của bà H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Mức án phí được quy định như sau: Đối với giá trị tài sản có tranh chấp từ trên 800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng, mức án phí là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng. Do đó, bị đơn phải chịu tiền án phí là: 36.000.000 đồng + (35.000.000 đồng x 3%) = 37.050.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 147; khoản 1 Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 385, 388, 463, 466, 357, 468 Bộ Luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Ngô Thị H. Buộc bà Nguyễn Thị B và Ông Phạm Xuân L phải trả cho Bà Ngô Thị H số tiền 835.000.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm triệu đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Bà Ngô Thị H về yêu cầu tính lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc vay kể từ ngày 11/10/2019 đến khi trả hết tiền nợ vay nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.050.000 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) bà Nguyễn Thị B và Ông Phạm Xuân L phải chịu.

- Bà Ngô Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.525.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019033 ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tấn Lâm

Đào Trọng Bình

Nguyễn Văn Công